

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH TÔN GIÁO BANI VÀ VÀI ĐẶC ĐIỂM TÔN GIÁO CỦA NGƯỜI CHĂM BANI

Tóm tắt: Đã có không ít nghiên cứu về tôn giáo Bani/Bà ni. Do vậy, chủ đề này khá quen thuộc với giới nghiên cứu tôn giáo. Nhằm góp thêm tư liệu nghiên cứu về người Chăm Bani và tôn giáo Bani, trong bài viết này, chúng tôi kế thừa các kết quả nghiên cứu đi trước, kết hợp với tài liệu văn bản Chăm và cả sử liệu truyền miệng trong người Chăm để tổng hợp lại cũng như bổ sung thêm các tư liệu về nguồn gốc hình thành tôn giáo Bani. Bài viết cũng khái quát vài đặc điểm chung nhất của cộng đồng Chăm Bani.

Từ khóa: Bani; Chăm Bani; đặc điểm.

1. Quá trình hình thành tôn giáo Bani và nguồn gốc tên gọi

Về thời gian hình thành cộng đồng Chăm Bani hiện vẫn có các giả thuyết khác nhau. Tuy nhiên, Bani là một tôn giáo thờ thượng đế Allah, vì vậy có thể khẳng định thời điểm xuất hiện tôn giáo Bani gắn liền chặt chẽ với quá trình du nhập và định hình Islam giáo ở Champa. Nhưng quá trình du nhập và định hình ấy xảy ra khi nào?

Từ thế kỷ XVIII trở về trước, vương quốc Champa với vị trí địa lý nằm phía ngoài bán đảo Đông Dương, nơi Biển Đông là con đường bắt buộc phải đi qua trong việc giao thương tấp nập giữa Trung Quốc và thế giới Mã Lai, Trung Đông, Ấn Độ, con đường hàng hải nổi tiếng này còn được biết đến với cái tên “con đường tơ lụa trên biển”. Điều đó khiến Champa trở thành nơi dừng chân lý tưởng của những thuyền buôn và cả những nhà truyền giáo đến từ nước ngoài (Anthony Reid 2000: 39-45; Majumdar 1963: 8-9; Aymonier 1891: 1-2). Trong tiến trình lịch sử của mình, Champa đã từng trở thành trung tâm trong khu vực của nhiều tôn giáo lớn thế giới như Ấn giáo, Phật giáo và Islam giáo.

* Khoa Nhân học, Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Tp. Hồ Chí Minh.
Ngày nhận bài: 20/6/2017; Ngày biên tập: 30/6/2017; Ngày duyệt đăng: 5/10/2018.

Cần thiết phải nhắc lại, vào thế kỷ thứ II, khi Ấn giáo mới bắt đầu du nhập vào Champa, cư dân Champa chấp nhận Ấn giáo một cách khá hiền hòa vì tôn giáo này mang nhiều yếu tố tín ngưỡng khá tương tự ở địa phương, như: thờ vạn thần, tín ngưỡng phồn thực, thần tự nhiên. Ban đầu, tầng lớp thống trị sử dụng Ấn giáo như một công cụ củng cố quyền lực, phân định giai cấp, tổ chức hành chính và thần thánh hóa vua chúa. Vì vậy, cơ bản chỉ có tầng lớp trên, quý tộc, người giàu theo tôn giáo này. Đến thế kỷ VIII thì Ấn giáo mới định hình, từ đó mới bắt đầu có ảnh hưởng vào trong dân chúng (Boisselier 1902: 32-34), và ảnh hưởng của nó để lại lớn đến mức nhiều người chỉ nhìn thấy những yếu tố Ấn Độ trong văn hoá Champa (thể hiện qua văn học dân gian, hệ thống thần linh thờ tự, hệ thống chức sắc *Basaih*, tục kiêng thịt bò...). Trải qua nhiều thế kỷ, tín ngưỡng bản địa cùng một số yếu tố Ấn giáo hòa quyện vào nhau khiến chúng trở thành một thứ tôn giáo - tín ngưỡng khó có thể tách bạch đâu là yếu tố ngoại nhập, đâu là yếu tố nội địa (P-B Lafont 2011: 71).

Khi Ấn giáo và tín ngưỡng dân gian đã dung hòa thành một loại tín ngưỡng bản địa, Islam giáo mới bắt đầu du nhập Champa. Song, Islam giáo chính thức định hình ở Champa vào thời gian nào vẫn đang là vấn đề chưa thống nhất. Bằng việc hệ thống lại các nguồn tài liệu, tư liệu có được, chúng tôi chia quá trình tiếp nhận Islam giáo của Champa thành hai giai đoạn.

Giai đoạn I, từ thế kỷ X đến thế kỷ XIV, là giai đoạn Champa bắt đầu tiếp xúc với Islam giáo trực tiếp từ Trung Đông hoặc Bắc Phi. Các cứ liệu là:

Một, dựa vào sử liệu Trung Hoa. Cụ thể, các ghi chép trong Tổng sử có thuật lại tục tế trâu ở xứ Champa. Đại ý là lúc tế trâu, họ có đọc lời cầu nguyện “Allah Akbar”. Đó là câu kinh nhật tụng của tín đồ Islam giáo khẳng định và tôn vinh Allah là đáng tối cao duy nhất. Dựa vào đó có thể nhận định Islam giáo đã được du nhập vào Champa từ thế kỷ X (Maspero 1928: 13-14). Trong Tổng Sử cũng nhắc đến những người sứ giả họ Bồ, Bồ để chỉ người Arab đến từ Champa trong thế kỷ XIII (Huber 1911).

Hai, dựa vào biên niên sử của hoàng gia Panduranga¹ có chép rằng: *Po Awluah* (tức Thượng đế Allah của Islam giáo), được xếp vào 5 vị

vua huyền sử Chăm, lên ngôi năm Tý, trị vì 37 năm (từ năm 1000 đến 1036) tại thủ đô Bal Sri Banây, sau đó ngài trở về Trời². Các tác giả dựa vào sử liệu này nhận định Islam giáo đã du nhập vào Champa sớm nhất là thế kỷ X (Aymonier 1890:145-206).

Ba, phù hợp với huyền sử trên, người ta lại tìm thấy hai tấm bia viết bằng tiếng Arab được phát hiện ở miền Trung Việt Nam. Sau khi được gửi sang Paris, P. Ravaisse phỏng đoán rằng hai tấm bia này có nguồn gốc từ miền Nam Champa. Bia thứ nhất là một ngôi mộ của một người tên Abu Kamil có niên đại 1039. Tấm bia thứ hai có niên đại khoảng 1025 - 1035, nội dung căn dặn tín đồ Islam giáo phải đối xử như thế nào với dân bản xứ khi tiếp xúc với họ. Kể từ đó, người ta đưa ra kết luận vương quốc Champa đã du nhập Islam giáo kể từ thế kỷ XI (Ravaisse 1922: 247-289).

Bốn, từ thế kỷ XIII, các nghiên cứu cho thấy rằng, vị vua Champa là Jaya Sinhavarman IV (tức là Chế Mân)³ đã cưới một công chúa Jawa, được ghi nhận là *Bia Tapasi* (hoàng hậu Tapasi), từ đó các nhà nghiên cứu cho rằng Islam giáo đã hiện hữu trong cung đình Champa từ thế kỷ XIII (Maspero 1928: 13, Lương Ninh 2004: 100-101).

Trong giai đoạn I, có rất ít cơ sở để cho rằng Islam giáo đã phát triển ở Champa dù một cuốn Biên niên sử Chăm viết vào thế kỷ XIX⁴ đã viết rằng từ thế kỷ X Champa đã theo Islam giáo vì vào thời điểm viết cuốn sử này, hầu như toàn bộ cư dân Chăm đã tin thờ Po Awluah (*Allah*) như vị thần đứng đầu trong danh sách thần linh của họ. Vì vậy, không có gì ngạc nhiên khi họ “đặc cách” Po Awluah là vị vua (huyền thoại) đầu tiên trong lịch sử lập nước. Thực tế, giai đoạn từ thế kỷ XV trở về trước lại là thời kỳ cực thịnh của một Champa Ấn Độ hóa. Vì vậy, trước thế kỷ XV, chúng tôi cho rằng Islam giáo mới chỉ đến Champa trong vai trò giao lưu, tiếp xúc văn hóa, tín ngưỡng và trao đổi hàng hóa chứ chưa ở mức độ tiếp nhận và tiếp biến.

Giai đoạn II, từ thế kỷ XV đến XVIII, đây là giai đoạn Islam giáo được du nhập vào Champa trực tiếp và đầy đủ nhất từ thế giới Mã Lai. Nhiều tư liệu văn học và lịch sử chứng minh sự du nhập của Islam giáo vào khu vực Đông Nam Á chỉ diễn ra từ thế kỷ XV.

Năm 1979, P.Y. Manguin phản đối quan điểm của P. Ravaisse về nguồn gốc hai tấm bia có niên đại thế kỷ XI tìm thấy ở miền Trung Việt Nam, bằng cách chứng minh rằng hai tấm bia này không phát xuất từ vương quốc Champa, mà phát xuất từ một quốc gia khác (Manguin 1979: 255-257). Năm 2011, vấn đề nguồn gốc của hai tấm bia trên lại tái diễn trên bàn hội nghị quốc tế về bia ký Đông Nam Á được tổ chức tại Kuala Lumpur. Dựa vào nội dung và phong văn của tấm bia, Ludvik Kalus (Đại Học Sorbonne, Paris) khẳng định rằng hai tấm bia Arab không xuất phát từ vương quốc Champa mà từ thị trấn Kairouan của Tunisia, một quốc gia nằm ở Bắc Phi. Do đó, vương quốc Champa không thể theo Islam giáo vào thế kỷ XI.

Nhìn vào lịch sử các nước Mã Lai - Đa đảo, đầu thế kỷ XV, Ấn giáo có dấu hiệu suy tàn và Islam giáo bắt đầu xâm nhập. Năm 1458, Islam giáo được coi là tôn giáo chính thức của Malacca và nó trở thành trung tâm truyền bá Islam giáo ở Đông Nam Á (Trương Văn Món 2012: 44). Champa và các nước Mã Lai đã có mối giao hảo từ lâu trên nhiều mặt kinh tế, chính trị, văn hóa, quốc phòng, nên việc tiếp nhận Islam giáo trực tiếp từ người Mã Lai trở nên rất dễ dàng. Tác giả người Mã Lai, Haji Adi Taha (1998), cho rằng Islam giáo được du nhập vào Champa từ những thủy thủ Mã Lai mang đến, hoặc do chính người Champa trực tiếp học đạo từ người Mã Lai. Trong thời điểm này, theo nhiều nguồn tư liệu, Champa và Mã Lai có những mối quan hệ hết sức khăng khít, trong đó có chi tiết liên quan đến Islam giáo vào thế kỷ XV, đó là cuộc viếng thăm của vua Po Kabrah (1460 - 1494) đến Malayu và việc ngài gả em gái là công chúa Po Sah Ina kết hôn với Po Haniim Pan, người Islam giáo gốc Mã Lai (Po Dharma 1999: 5).

Hai sự kiện trên chỉ chứng minh được mối bang giao giữa Champa và các tiểu quốc Mã Lai vào thế kỷ XV, chưa xác nhận được việc hình thành một cộng đồng người Chăm theo Islam giáo. Manguin (1979) thông qua nhiều nguồn tư liệu khác nhau của Mã Lai, Ba Tư, Arab, Bồ Đào Nha, đã chỉ ra rằng, vào khoảng cuối thế kỷ XVI, một số người Chăm tiếp thu văn hóa Islam giáo trực tiếp từ người Mã Lai kéo theo sự ra đời của một cộng đồng tự gọi là “Bani” tại Panduranga và có thể cả khu vực Kauthara (Manguin 1979: 266-267). Các tác giả như P-B.

Lafont (1988, 2007), Po Dharma (1999), Rie Nakamura (2000), Trương Văn Món (2012)... đều chỉ ra rằng người Champa vào cuối thế kỷ XVI đã theo Islam giáo đủ đông đúc để hình thành nên các nhóm người Bani sống xen kẽ với đa số cư dân tín ngưỡng cũ. Tuy nhiên, một nghi vấn đặt ra là, những người Chăm theo Islam giáo (tự nhận là Bani) thời kỳ này đã hoàn toàn theo Islam giáo chính thống hay chưa?

Có lẽ cộng đồng Chăm Bani có hiện trạng như ngày nay chỉ hình thành từ sau chính sách dung hợp tôn giáo của vua Po Romé thế kỷ XVII. Các văn bản Chăm⁵ đặc biệt nói nhiều đến Islam giáo vào thời vua Po Romé (1627 - 1651). Nhiều sự kiện quan trọng được ghi nhận như sự kiện vua Po Romé sang viếng thăm Kelantan, kết hôn với công chúa Mã lai và học đạo Islam. Hầu hết tướng lĩnh Chăm ở vùng Panduranga thời kỳ đó như Po Tang Ahaok, Po Haniim Par, Po Rayak... đều đến thánh địa Makah - Kelantan (Mã Lai) để học về tôn giáo, bùa phép, quân sự (Sakaya 2013: 592). Bên cạnh đó, thông qua các biên niên sử hoàng gia, các gia phả hoàng tộc của Mã Lai như *Hikayat Seri Kelantan* (gia phả dòng họ tiểu vương Kelantan), *Sejarah Melayu* (lịch sử Malayu)... ghi nhận, các vị tướng Mã Lai cũng đã đến Champa như Ungku Omar, Abdul Hmid để dạy đạo Islam cho dân chúng địa phương... (Trương Văn Món 2012: 43-44, Sakaya 2013: 626).

Trong sử liệu truyền miệng Chăm, người ta nhắc đến từ *Bani* sớm nhất cũng vào thời vua Po Romé. Cụ thể, sử liệu có đề cập đến một hoàng hậu của Po Romé là Bia Than Cih⁶, con gái của vua Po Mâu Taha (1622 - 1627), là một tín đồ Bani. Hiện trên khu đền tháp Po Romé⁷ vẫn còn một ngôi miếu nhỏ thờ bà. Bia ký trên tháp và truyền thuyết kể lại, vì bà không chịu hỏa táng theo chồng nên chỉ được thờ bên ngoài tháp, không giống như một bà hoàng khác được thờ bên trong tháp cùng vua. Về việc này, chúng tôi nhận định bà hoàng hậu người Bani không chịu hỏa táng theo chồng không phải là vì bà sợ chết hay vì bà không chung thủy với chồng mình như nhiều suy diễn, mà vì khác với phong tục hỏa táng người chết của Bà-la-môn, người Chăm Bani thổ táng theo phong tục của Islam giáo, mặt quay về hướng thánh địa Mecca. Vì vậy, có thể khẳng định, vào thời kỳ đó Bia Than Cih đã là một tín đồ Bani ngoan đạo.

Sử liệu cũng đề cập đến hai vị tướng tài của vua Po Romé là tín đồ Bani, vì bất mãn với sự mê muội của vị vua này nên cáo quan về ở ẩn. Tháng 7 năm 2010, Đoàn khảo cổ thuộc Trung tâm Phát triển bền vững vùng Nam Bộ đã khai quật xung quanh di tích tháp Po Romé phát hiện một khu mộ được xác định là *Ghur* của người Chăm Bani. Giả thuyết ban đầu cho rằng đây là *Ghur* của hoàng hậu Bani trên (Bá Văn Quyến 2011: 174-176). Từ đó, chúng ta có thể cho rằng, trễ nhất là vào đầu thế kỷ XVII, đã tồn tại một cộng đồng người Bani, và dựa vào kiểu mai táng riêng, chứng tỏ cộng đồng này đã có một cách thực hành tôn giáo khác biệt.

Một dữ kiện khác chứng minh Bani xuất hiện trong khoảng thời gian này đó là việc vua Po Romé đứng ra giải quyết mối mâu thuẫn giữa hai cộng đồng tôn giáo - tín ngưỡng mới và cũ. Khi một bộ phận cư dân Champa bắt đầu tiếp nhận Islam giáo và tự gọi mình là *Bani*, bộ phận đa số cư dân còn lại, khi đó theo một loại hình tôn giáo - tín ngưỡng (là sự cộng gộp của các yếu tố Bà-la-môn và tín ngưỡng bản địa) đã được xem là truyền thống lâu đời, cảm thấy không thể chấp nhận được việc các tín đồ đạo mới bỏ tập tục, thờ thần thánh mới, tiếp nhận các yếu tố văn hóa ngoại lai... Mâu thuẫn này ngày càng lớn, dẫn đến việc chia rẽ sâu sắc trong cộng đồng tộc người. Xã hội Champa bị phân hóa trầm trọng. Mãi đến năm 1627, khi lên ngôi, Po Romé mới có những chính sách đúng đắn và hiệu quả, vận dụng “tư duy lưỡng hợp” trong nền văn hóa bản địa giúp hòa giải mối mâu thuẫn kéo dài giữa hai cộng đồng tín ngưỡng Chăm.

Chính sách của Po Romé đã tạo cho người Chăm một loại hình thái tôn giáo - tín ngưỡng mang tính dung hòa mà người Chăm còn thực hành cho đến ngày nay. Theo đó, ngài bắt buộc những người đi theo Islam giáo (tức nhóm tự nhận là *Bani*), bên cạnh giáo lý của mình, phải giữ lại những tín ngưỡng truyền thống. Đối với nhóm tín ngưỡng cũ, ngài cũng yêu cầu họ phải thờ thêm các vị thần của tôn giáo mới, người Chăm gọi là *Yang Baruw* (các vị thần mới). Từ đó, người Chăm còn gọi những người tin thờ Allah trước triều đại vua Po Romé là *Chăm Awal* (gốc từ Arab, có nghĩa là “đầu tiên, trước”). Còn những người Chăm tin thờ Allah sau chính sách của vua Po Romé được gọi

là *Chăm Ahiér* (gốc từ Arab, có nghĩa là “cuối, sau cùng”)⁸. Tư duy lưỡng hợp khiến cho hai cộng đồng Awal - Ahiér trở thành một cặp tín ngưỡng không thể tách rời theo triết lý *Tanaow - Binai* (tính đực - tính cái) của người Chăm. Islam giáo và Ấn giáo bản địa hóa của người Chăm biến thành một loại hình tôn giáo - tín ngưỡng vô cùng độc đáo, cách biệt hoàn toàn với tính chính thống của chúng trên thế giới.

Như vậy, có thể là đến thế kỷ XVI, Islam giáo từ Mã Lai du nhập vào Champa, mặc dù, trước đó, từ thế kỷ X đã có những bằng chứng cho thấy các thương nhân từ Arab đã hiện diện ở vương quốc này. Có lẽ sau sự kiện năm 1471, năm thủ đô Vijaya thất thủ, vương quốc Champa thu hẹp lại ở tiểu vương quốc Panduranga, nên triều đình Champa bắt đầu tăng cường mối quan hệ với các tiểu quốc trong khu vực quần đảo Malay nhằm tìm kiếm đồng minh để chống lại Đại Việt. Như đã nêu ở trên, một số tiểu quốc Malay ở thời kỳ này đã chuyển mình thoát khỏi Ấn giáo trở thành trung tâm Islam giáo của Đông Nam Á. Mà muốn các quốc gia Islam giáo giúp đỡ thì một chính sách thông thoáng cho Islam giáo xâm nhập vào Champa là điều không thể tránh khỏi. Dựa vào các nguồn tài liệu trên, chúng tôi cho rằng, các nhóm người Chăm Bani xuất hiện sớm nhất vào cuối thế kỷ XVI, nhưng một cộng đồng tôn giáo - tín ngưỡng Bani tồn tại như ngày nay chỉ hình thành từ sau chính sách dung hòa tôn giáo của vua Po Romé đầu thế kỷ XVII.

Theo R. P. Durrand (1903), tên gọi *Bani* là phiên âm theo từ gốc Arab “Beni”, có nghĩa là “con trai”. Như vậy, người Bani tự nhận mình là những đứa con trai của Adam⁹, xác nhận qua một câu trong kinh Bani có ghi rằng: “Ya Bani Adam”¹⁰. Cũng có ý kiến khác cho rằng, “Bani” trong tiếng Chăm có nghĩa là “có đạo, người đã nhập đạo”, để phân biệt với bộ phận người Chăm không phải là *Bani*, tức chưa có đạo. Thực tế, người Chăm quan niệm trước khi vào đạo Bani thì mọi người Chăm đều là *Chăm Jat*, nghĩa là Chăm gốc¹¹. Thuật ngữ để ám chỉ việc theo đạo Bani trong tiếng Chăm là “tamâ Bani” nghĩa là “vào Bani”.

Viết về người Chăm Bani vào đầu thế kỷ XVII, Lafont (2007) cho rằng: “Người Chăm vào thời kỳ đó chỉ tiếp nhận vào tín ngưỡng bản

địa của mình một số chương mục của Kinh Koran mà đa số các bản văn đều viết bằng ngôn ngữ Chăm pha lẫn với ngôn ngữ Arab đầy lỗi chính tả. Ngoài ra, người ta còn thấy Đấng Allah xuất hiện trong văn chương Chăm không mang một ý nghĩa như là Thượng đế duy nhất theo nghĩa rộng trong giáo lý của Islam giáo mà chỉ là một Đấng siêu hình đứng hàng đầu trong danh sách thần linh quan trọng của người Chăm ở Panduranga mà thôi. Thêm vào đó người Chăm Bani này chỉ thực hiện một số giáo điều cơ bản của Islam giáo mà thôi, chẳng hạn như việc bố thí (zakat) mà ý nghĩa của nó không còn nguyên thủy nữa. Họ không thi hành lễ nguyện 5 lần trong một ngày. Lễ nhịn chay vào tháng Ramadan chỉ dành cho các vị Imam và các tăng lữ. Lễ cắt bì (circumcision) cho phái nam của họ chỉ là một nghi thức tượng trưng. Họ cũng không thi hành việc hành hương tại Mecca ở vùng Trung Đông, vì sự hiện diện của họ sẽ làm mất đi bản tính thiêng liêng của thánh địa này. Mặc dù tự nhận mình theo Islam giáo, nhưng họ vẫn tiếp tục duy trì chế độ mẫu hệ và mẫu cư, một quy chế tổ chức gia đình và xã hội hoàn toàn đi ngược lại với phong tục của Islam giáo. Thêm vào đó, không ai có thể gia nhập vào cộng đồng người Chăm Bani, nếu thân mẫu của họ không phải là Chăm Bani (CAM microfilm 6-2). Cuối cùng, người Chăm Bani là một cộng đồng có một tín ngưỡng riêng nhưng lúc nào cũng sống liên kết chặt chẽ với người Chăm Bà-la-môn, chấp nhận Po Aulauh (Allah) như đấng tạo hóa địa phương của họ. Người Chăm Bani cũng thường tham gia trong các nghi lễ riêng của Chăm Bà-la-môn, mặc dù nghi lễ này không liên hệ gì với giáo lý của Islam giáo. Vào dịp lễ mùa Rija (CAM 27-30) hoặc các lễ tế Thần Nông, các vị chức sắc Chăm Bani như Po Gru, Imam và Katib đều có mặt trong các lễ tục này bên cạnh các chức sắc Chăm Ahier” (tr. 81-83).

Vậy còn bộ phận Chăm Islam đang hiện diện song song với Chăm Bani ngày nay thì sao? Từ nửa sau thế kỷ XVII, chiến tranh liên miên, vương quốc Champa có nguy cơ sụp đổ hoàn toàn, dân Champa chạy tán loạn khắp nơi. Trong đó, một bộ phận lớn chạy sang Campuchia lánh nạn. Ở đây, do việc thường xuyên tiếp xúc với tín đồ Islam giáo trên thế giới, đặc biệt là từ người Mã Lai, Nam Dương nên họ dần đánh mất bản sắc truyền thống, hầu hết đều theo Islam giáo chính thống. Đến

giữa thế kỷ XVIII, một bộ phận người Chăm ở Campuchia quay về định cư ở An Giang, rồi sau này di cư tới các tỉnh Đông Nam Bộ, hình thành bộ phận Chăm Islam ở Nam Bộ Việt Nam ngày nay. Sự hiện diện của người Chăm ở Sài Gòn đã được Trịnh Hoài Đức (1765 - 1825) đề cập trong “Gia Định Thành Thông Chí”. Trong thập niên 60 của thế kỷ XX, khi vài trí thức người Chăm từ Miền Trung vào làm việc ở Sài Gòn, tiếp xúc với người Chăm Islam và khi trở về, họ đã mang theo Islam giáo chính thống truyền lại cho cộng đồng Chăm Bani. Và một lần nữa, từ tín đồ Bani, một bộ phận đã lại cải đạo thành Chăm Islam, sống xen kẽ giữa các làng Chăm Bani ở Ninh Thuận ngày nay.

2. Vài đặc điểm tôn giáo của cộng đồng người Chăm Bani

Đạo Bani ngày nay là một tôn giáo được hình thành dựa trên sự kết hợp của tín ngưỡng bản địa là chính và một số yếu tố Islam giáo. Sau hàng trăm năm không tiếp xúc với Islam giáo chính thống, đến khi tôn giáo này trở lại Miền Trung vào giữa thế kỷ XX, người Bani đã xem Islam giáo như một tôn giáo xa lạ và khó chấp nhận. Bởi thế mà buổi đầu Islam giáo truyền bá trở lại vào các làng Chăm ở Ninh Thuận đã gây ra mâu thuẫn và cả đổ máu. Cho đến hôm nay, hơn nửa thế kỷ trôi qua, Islam giáo mới chỉ hình thành được một số lượng tín đồ ít ỏi, sống tập trung thành các cụm nhỏ xen lẫn trong vài ba làng Chăm Bani ở tỉnh Ninh Thuận. Sau đây, chúng tôi chỉ xin trình bày một cách rất khái quát về một số đặc trưng của người Chăm Bani.

2.1. Thần thánh

Islam giáo mang đến cho người Chăm những vị thần mới gọi là *Yang Baruw* như Po Kuk Ulahuk, Po Awluah, Mohamat, Ali, Fatimah, Ibrahim, Po Tang Ahaok... được tôn thờ bởi cả người Chăm Bani (Awal) và Chăm Bà-la-môn (Ahiér). Khác với Islam giáo, người Chăm Bani không xem Po Awluah (thượng đế Allah) là đáng chí tôn duy nhất mà chỉ là một Đấng siêu hình đứng hàng đầu trong danh sách thần linh quan trọng của người Chăm mà thôi.

Bên cạnh đó, xuất phát từ tín ngưỡng thờ đa thần của cư dân nông nghiệp lúa nước, người Chăm nói chung tôn thờ rất nhiều vị thần linh. Từ các vị thần tự nhiên, như: thần đất, thần nước, thần lửa, thần biển, sông, núi, rừng, sấm... đến thờ nhân thần, trong đó vua thần và thần tổ

tiên chiếm vai trò quan trọng, hay thờ các vị thần siêu nhiên như Bà Mẹ Xứ Sở *Po Inâ Nâgar*, thần sinh tạo ra vạn vật trên thế gian *Po Yang Amâ*... (Nguyễn Thị Thu et al. 2010, Phan Văn Dốp et al. 2014, Sakaya 2013).

2.2. Kinh kệ

Kinh kệ tôn giáo Bani là sự tổng hợp các bài kinh được rút ra từ Kinh Qur'an của Islam, gọi là Kinh *Kuraân*. Bộ kinh được viết bằng chữ Arab mang nhiều nét biến thể, thường có xen kẽ các đoạn chữ Chăm Akhar Thrah để hướng dẫn. Tuy nhiên, giới tu sỹ Bani chỉ học thuộc Kinh *Kuraân* mà không hiểu nghĩa trong từng đoạn kinh (Lafont 2007: 81, Durand 1903: 55-62). Nội dung kinh *Kuraân* chia làm 3 phần:

(1) *Jalan Pajiéng*: bao gồm các bài kinh và nghi thức thực hiện các nghi lễ như: *Aitkarak* (nghi lễ cho nam giới thông thuộc 20 *phun Akhar rah* và *phun Akhar da-a Mukkei*), *Athaw bah* và *Athaw hét* (nghi lễ tẩy thể), *Kareh* và *Katat* (nghi lễ nhập đạo), *Likhah* (lễ cưới).

(2) *Jalan Akhirah*: bao gồm các bài kinh và nghi thức thực hiện các nghi lễ như: *Ndam padhi* (tang lễ), *padhi tanâh riya* (cúng đất), *du-a muk kei* (cúng gia tiên), *du-a padhi & wakawa* (đám tuần).

(3) *Agal bac*: bao gồm các bài kinh và nghi thức được dùng trong ngày đại lễ (harei Suk) trong tháng Ramâwan, khánh thành thánh đường (Sang mângik), tôn chức, kinh hội (Suk yeng), trả nợ (ndik sé lihik bah)...

Ngoài những kinh kệ trên thuộc về tầng lớp *Po Acar*, các thầy cúng dân gian còn lưu giữ khá nhiều các bài kinh đuổi trừ tà ma, bài kinh thánh tẩy, thần chú để sử dụng trong các nghi lễ tín ngưỡng dân gian của người Chăm.

2.3. Thánh đường

Người Chăm Bani ở mỗi làng đều có thánh đường riêng. Thánh đường Bani (Sang Magik) không hoàn toàn chịu ảnh hưởng phong cách các thánh đường Islam giáo quốc tế. Khác với các thánh đường Islam giáo luôn mở cửa để các tín đồ đến cầu nguyện một ngày năm lần và được coi là trung tâm sinh hoạt tôn giáo, thánh đường Bani chỉ mở cửa trong tháng Ramâwan và những ngày lễ quan trọng của họ.

Mỗi thánh đường Bani đều có đội ngũ tu sĩ phụng sự thượng đế Po Awluah, được gọi chung là *Po Acar*.

2.4. Tu sĩ

Hệ thống chức sắc Bani *Po Acar*, được phân thành 5 cấp bậc từ thấp lên cao là: Acar, Madin, Katip, Imâm, Gru.

Acar: là tầng lớp tu sĩ mới gia nhập vào hàng ngũ tăng lữ Bani. Tùy theo thời gian tu và khả năng thuộc kinh mà còn chia ra thành bốn cấp độ là *Jamâak*, *Talavi*, *Po Sit*, *Po Praong*. Lễ lên cấp được tiến hành trong tháng thụ trai Ramâwan (Bá Trung Phụ 2007: 54).

Madin: là người có trách nhiệm thông báo ngày giờ hành lễ cho các chức sắc trong thánh đường. Vị chức sắc ở cấp bậc này có nhiệm vụ điểm trống khai lễ và kết thúc việc hành lễ trong thánh đường.

Katip: chức sắc này được phép thực hiện một số nghi lễ trong và ngoài thánh đường; đảm trách việc thuyết trình về giáo lý và báo cáo các vấn đề liên quan đến tôn giáo.

Imâm: Imâm là tu sĩ đã trải qua ít nhất 15 năm hành đạo và được xem là đã thuộc hết kinh Kuraân và có khả năng thực hiện được mọi nghi lễ trong đạo.

Po Gru (cả sư): là chức vị cao nhất và duy nhất trong một thôn hay một thánh đường của Islam giáo Bani. Po Gru là người được quyết định hầu hết các vấn đề về đạo và đời, là người duy nhất cho ngày tháng để tiến hành các nghi lễ trong đạo.

Tu sĩ Bani có trang phục gồm áo dài trắng có 3 khuy bấm chính giữa (Aw luak), váy trắng (riêng Po Gru ở chân váy có viền hoa văn màu đỏ), đầu quấn khăn trắng (khan mathem) có tua hai bên màu đỏ (taibi), trước ngực đeo *kadung* (một chùm 3 túi vải nhỏ dùng để đựng trầm hương và bùa chú bảo vệ thân thể). Riêng cấp bậc Acar chỉ quấn khăn trắng không có tua và không đeo *kadung*. Tu sĩ Bani cạo tóc và không để râu. Theo tập tục thì mỗi dòng họ người Chăm Bani phải có một người làm tu sĩ để thay thế cho dòng họ đảm nhận nghĩa vụ đối với Po Awluah, đồng thời thực hiện các nghi lễ, như: lễ cầu an, lễ hôn nhân, lễ tang... trong dòng họ. Đối với người Chăm Bani và người Chăm Bà-la-môn, Po Acar rất được nể trọng. Họ vừa là người

thay mặt cho Po Awluah trong các nghi thức tôn giáo, vừa là người đại diện cho người Chăm của cả hai tôn giáo, tín ngưỡng, làm chủ nhiều nghi lễ mang tính chất dân gian.

2.5. Tín đồ

Tín đồ Chăm Bani được công nhận chính thức nhập đạo khi họ đã trải qua nghi lễ Kareh đối với nữ và Katat đối với nam, thường là từ 12 đến 15 tuổi. Tín đồ Bani hầu như không lệ thuộc vào giáo luật Islam giáo. Tín đồ Bani không thực hành năm “trụ cột” mà bốn phần một tín đồ Islam giáo chính thống phải thực hiện là: Tin Thượng Đế Allah tối cao là duy nhất và Muhammad là sứ giả của Allah; Cầu nguyện (*Sambahyang*) 5 lần mỗi ngày; Chay nhịn (*Ek*) trọn tháng Ramadan; Bỏ thí (*Zakat*) để giúp đỡ người khó khăn hơn mình; Hành hương viếng thăm Mecca (nếu có khả năng. Toàn bộ tín đồ Bani không thực hiện những điều trên vì họ cho rằng việc đạo là việc của tầng lớp tu sĩ và tầng lớp này thay thế cho họ thực hiện mọi nghĩa vụ của tín đồ đối với Thượng đế. Chính vì vậy mà mỗi dòng họ phải có ít nhất một người tham gia vào tầng lớp tu sĩ *Po Acar*.

2.6. Nghi lễ, lễ hội

Người Chăm Bani có một hệ thống nghi lễ, lễ hội vô cùng phong phú và không kém phần phức tạp. Họ vừa thực hiện các nghi lễ ảnh hưởng Islam giáo vừa thực hiện các nghi lễ thuộc tín ngưỡng dân gian. Không những thế, hầu hết các nghi lễ này đều xen lẫn các yếu tố tôn giáo và tín ngưỡng của nhau (như lễ Ramâwan có tục cúng tổ tiên; lễ cưới, lễ tang, lễ nhập đạo vừa mang tính bản địa vừa có yếu tố Islam giáo...). Vì vậy, mọi hệ thống phân định nghi lễ, lễ hội của người Chăm Bani đều chỉ mang tính tương đối. Trong giới hạn bài viết, chúng tôi chỉ điếm qua các nghi lễ, lễ hội của người Chăm Bani một cách có hệ thống như sau:

Các lễ hội trong thánh đường gồm có: lễ *Ramâwan* (mùa chay niệm), lễ *Suk Bilan* (lễ kinh thứ Sáu hàng tháng)¹², lễ *Suk Yeng* (lễ họp mặt của tất cả tu sĩ Bani lần lượt tại các thánh đường)¹³. Trong đó, nổi bật nhất là mùa lễ hội Ramâwan - có nguồn gốc từ mùa lễ tháng chay Ramadan của người Islam giáo. Tuy nhiên, cộng đồng người Chăm Bani đã bản địa hóa lễ này thành hai phần: Cúng tổ tiên ở các gia đình

và mùa Chay niệm. Trước khi thọ chay, người Chăm Bani đi tảo mộ (*Ghur*), mời tổ tiên về nhà để thết đãi (*Pambeng Mukkei*). Sau hai ngày lễ Cúng tổ tiên, họ bước vào mùa Chay niệm. Khác với Islam, mùa chay niệm của người Chăm Bani kéo dài 3 tháng 10 ngày theo nguyên tắc *Sa dalam, dua lingiw, pluh harei ikak Waha tati tatang* (1 tháng ở trong thánh đường, 2 tháng ở ngoài thánh đường, 10 ngày kiêng cử chặt chẽ). Tháng chay tịnh trong thánh đường, các Po Acar cầu nguyện 5 lần mỗi ngày. Trong 3 ngày đầu tiên tuyệt đối kiêng ăn uống vào ban ngày, sau khi Mặt Trời lặn thì được phép ăn uống bình thường. Những ngày tiếp theo thì không phải kiêng ăn uống vào ban ngày nhưng phải kiêng ăn thịt. Kết thúc tháng chay trong thánh đường bằng lễ *Talaik Ek* (lễ Xả chay), các Po Acar về nhà sinh hoạt bình thường nhưng phải dành thời gian ôn tập kinh kệ, đặc biệt là *Kitab marat* (kinh kệ lý giải về cõi chết). Kết thúc 3 tháng 10 ngày chay niệm bằng lễ *Talaik Waha* (lễ kết thúc mùa chay niệm).

Các nghi lễ vòng đời: Từ lúc sinh ra cho đến lúc nhắm mắt xuôi tay, người Chăm Bani thực hiện nhiều lễ tục, bao gồm: *Éw Praok* (lễ khẩn báo với tổ tiên khi đứa trẻ được 1 tháng tuổi) - nhưng chúng tôi chưa thấy gia đình Bani nào cúng dê cho đứa trẻ khi đầy tháng [Có chăng người Chăm Islam trong lễ cắt tóc đặt tên cho đứa trẻ mới sinh 7 ngày có cúng 2 con cừu đối với bé trai và 1 con đối với bé gái], *Pather pabah* (lễ thanh tẩy miệng cho trẻ em nam 3-10 tuổi và nữ 12-15 tuổi, được thực hiện sau nghi lễ *Kareh*), *Kareh* (nghi lễ cắt tóc, đặt tên nhập đạo cho nữ), *Katat* (lễ cắt bao quy đầu tượng trưng cho nam từ 12 tuổi trở lên), *Ndam Lakhah* (Lễ cưới), *Athaw Bah* (nghi lễ tẩy thể không bắt buộc cho tín đồ Bani từ 60 tuổi trở lên), *Ndam Padhi* (Tang lễ). Các nghi lễ vòng đời của người Chăm Bani là tổng hợp của nhiều yếu tố tín ngưỡng từ dân gian, Islam giáo và cả Ấn giáo.

Các nghi lễ gắn với nông nghiệp: là cư dân nông nghiệp, sinh sống trên vùng địa lý khô hạn nhất nước, phụ thuộc rất nhiều vào các hiện tượng tự nhiên, người Chăm nói chung có một hệ thống nghi lễ nông nghiệp dày đặc. Đó là các nghi lễ phồn thực, cầu mưa, lễ khai mương đắp đập, các nghi thức cúng tế các vị thần tự nhiên, các nghi lễ gắn với chu kỳ của cây lúa. Có thể chia làm hai loại:

Một loại là các nghi lễ liên quan đến cầu mưa, cầu mùa, tế thần lửa, tế trâu như *lễ Palao kasah* (lễ cầu mưa), *lễ Pakap halau Kraong* (lễ chặn đầu nguồn nước), *lễ Yuer Yang* (lễ “tạ hỏa”, cầu mưa thuận gió hòa), *lễ Ngap kubaw yang patao* (tế trâu tại núi Đá Trắng), *lễ Rija Năgar* (lễ cầu mưa thuận gió hòa đầu năm lịch Chăm), *lễ tế Po Nai*, *lễ tế Po Riyak* (thần Sóng), v.v...

Một loại là các nghi lễ liên quan đến chu kỳ sinh trưởng của cây lúa gồm: những lễ cúng trước và trong thời kỳ làm đất (*như lễ cúng đập nước, lễ cúng hạ điền, lễ cúng dựng chòi, lễ cày trộm*), những lễ cúng trong thời kỳ gieo trồng (*lễ cúng gieo sạ, lễ cúng xin phát dọn rẫy - trồng tía*), những lễ cúng trong thời kỳ chăm sóc cây lúa (*lễ cúng mừng lúa con, lễ cúng lúa làm đòng, lễ cúng đuổi chuột*), những lễ cúng trong thời kỳ thu hoạch (*lễ cúng gặt lúa, lễ cúng rời sân lúa, lễ cúng đón hạt lúa về nhà, lễ cúng bẻ bông*). Đa số những lễ tục này đều có thể bắt gặp ở các tộc người trên Tây Nguyên ngày nay nhưng đã khá vắng bóng ở vùng người Chăm (Trương Hiến Mai et al. 2002, Sakaya 2003:13, Phan Văn Dốp et al. 2014: 161-167).

Các nghi lễ dòng họ: Nghi lễ dòng họ của người Chăm Bani thờ vị thần bốn mạng của dòng họ mang màu sắc Islam giáo (*Yang Baruw* - Thần thánh mới) là *Yang Atuw* và *Praok Patra*. Lễ do dòng họ đóng góp công sức và tiền của để thực hiện. Một số nghi lễ mang tính chất dòng họ khác, như: *Lễ Thrua patruh* nhằm mục đích trả lễ cho Po Praok của dòng họ và các Yang khác; *lễ Rija Dayep* (lễ cúng ban đêm) và *Rija Praong* (lễ cúng lớn) nhằm cầu xin thần linh, giúp cho dòng họ thoát khỏi tai ương, bệnh tật. *Lễ Rija Praong* để tôn chức *Muk Rija patruh bruk* của dòng họ. Hệ thống chức sắc thực hiện nghi lễ là các *Muk Rija* (bà Bông dòng họ) và ông Măduen (thầy võ *Baranăng*). Trong *Rija Praong* còn có Po Acar tham gia lễ (Sakaya 2012, Phan Văn Dốp et al. 2014: 169).

Kết luận

Nhằm góp thêm tư liệu vào nghiên cứu người Chăm Bani, trong bài viết, chúng tôi đã làm rõ quá trình hình thành cộng đồng Chăm Bani và khái quát một vài đặc điểm chung nhất về tín ngưỡng của họ. Nghiên cứu của chúng tôi dựa trên tài liệu các nghiên cứu đi trước, tài

liệu văn bản Chăm và cả sử liệu truyền miệng trong người Chăm để khái quát: danh từ “Bani” xuất hiện vào cuối thế kỷ XVI và tôn giáo Bani định hình như ngày nay từ sau chính sách dung hợp tôn giáo của Po Romé đầu thế kỷ XVII. Từ đó, Chăm Bani cũng còn được gọi là *Chăm Awal* tồn tại song song với cộng đồng *Chăm Ahier* như một cặp tôn giáo - tín ngưỡng không thể tách rời theo triết lý lưỡng hợp *Tanaow - Binai* (Đực - Cái) của người Chăm.

Trong quá trình tiếp nhận Islam giáo, người Chăm Bani đã không sao chép y nguyên Islam giáo thế giới mà luôn lấy tín ngưỡng vốn có của mình làm nền tảng, cải biến Islam giáo trở thành tôn giáo của riêng mình gọi là Bani hoặc Awal. Có thể nói Bani là một tôn giáo - tín ngưỡng dung hợp khi nhìn vào đó có thể thấy các yếu tố Islam giáo, tiền Islam giáo và cả Bà-la-môn giáo. Có lẽ vì thế mà hệ thống nghi lễ, lễ hội của người Chăm Bani rất đậm đặc, diễn ra quanh năm với nhiều loại hình khác nhau, hàm chứa nhiều cấp độ tín ngưỡng từ sơ khai nguyên thủy đến tôn giáo hiện đại. Tất cả hòa trộn, giao thoa theo cách mà họ cảm thấy thỏa mãn nhất với nhu cầu tâm linh của mình. /.

CHÚ THÍCH:

- 1 Panduranga: tiểu quốc phía Nam thuộc Champa, bao gồm tỉnh Ninh Thuận và Bình Thuận ngày nay.
- 2 Văn bản Chăm *Sakkaray dak rai patao* (Lịch sử các vị vua) ghi bằng *Akhar Thrah*, lưu truyền bản chép tay trong nhiều trí thức Chăm; được ký hiệu Văn bản Chăm 84 bởi Thành Phần (2007), tr. 168.
- 3 Theo TS. Po Dharma, Viện Viễn Đông Bác cổ, nhiều nghiên cứu nói là vua Indravarman III là chưa chính xác.
- 4 Dựa vào triều đại cuối cùng được ghi là Po Saong Nhung Ceng (1799-1822).
- 5 *Adaoh yang dalam Raya, Damnây Po Klaong, Po Romé, Po Tang Ahaok, Po Haniim Par* (Những bài hát và tiểu sử về các vị thần - vua Chăm, Po Romé, Po Tang Ahaok, Po Haniim Par, Po Rayak...).
- 6 Tiếng Chăm *Bia* là hoàng hậu.
- 7 Thuộc làng Hậu Sanh, xã Phước Hữu, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận.
- 8 Hawkins J. M. (2004), *Kamus Dwibahasa Oxford Fajar: Inggeris - Melayu, Melayu - Inggeris*, Oxford University Press, p. 13.
- 9 Adam là vị thiên sứ đầu tiên được Allah phái xuống trần gian. Vị thiên sứ cuối cùng là Muhammad.
- 10 Dẫn lại từ Nguyễn Hồng Dương (cb. 2007), *Một số vấn đề cơ bản về tôn giáo, tín ngưỡng của đồng bào Chăm ở hai tỉnh Bình Thuận, Ninh Thuận hiện nay*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 129.

- 11 *Jat* có gốc từ tiếng Phạn *Jati*: gốc, nguồn gốc.
- 12 Người Chăm Bani ở Bình Thuận không làm lễ này.
- 13 Người Chăm Bani ở Ninh Thuận tổ chức 3 năm một lần, ở Bình Thuận thực hiện hàng năm.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Aymonier, Etienne (1890), “Légendes historiques des Chams”, trong *Excursions et Reconnaissances XIV-32*, Paris, pp. 145-206.
2. Aymonier, Etienne (1891), *Les Tchames et leurs religions*, Ernest Leroux, Paris.
3. Boisselier, Jean (1902), “The Art of Champa”, trong *La statuaire du Champa. Recherche sur les cultes et l'iconographie*, Paris (Public. EFEO II), pp. 28-68.
4. Phan Văn Dốp, Phan Quốc Anh và Nguyễn Thị Thu (2014), *Văn hóa phi vật thể người Chăm Ninh Thuận*, Nxb. Nông nghiệp, Hà Nội.
5. Durand, E-M. (1903), “Les Chams Bani”, *Bulletin de l'Ecole Francaise d'Extreme - Orient*, 3(1), pp. 54-62.
6. Nguyễn Hồng Dương (cb. 2007), *Một số vấn đề cơ bản về tôn giáo, tín ngưỡng của đồng bào Chăm ở hai tỉnh Bình Thuận, Ninh Thuận hiện nay*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
7. Haij Adi Taha (1998), *Costumes of Campa and the Malay group in Vietnam*, EFEO and Muzeum Negara Malaysia, Kuala Lumpur, Malaysia.
8. Huber, Edouard (1911), “Études indochinoises”, *Bulletin de l'Ecole Francaise d'Extreme - Orient*, XI, pp. 259-311.
9. Lafont, Pierre Bernard (1988), “On relations between Champa and Southeast Asia”, trong *Proceedings of the Seminar On Champa*, Paris, pp. 65-75.
10. Lafont, Pierre Bernard (2007), *Le Champa: Géographie - Population – Histoire*, Les Indes Savantes, Paris (Bản dịch: *Vương quốc Champa: Dân cư - Địa dư - Lịch sử*, ấn hành bởi IOC, 2011, California, Hoa Kỳ).
11. Trương Hiền Mai và Sử Văn Ngọc (2002), *Hệ thống thủy lợi và nghi lễ nông nghiệp cổ truyền Chăm Ninh - Bình Thuận*, Nxb. Văn hóa Dân tộc, Hà Nội.
12. Majumdar, R.C (1963), *Hindu Colonies in the Far East*, Greater India Society Public, New Dehli.
13. Manguin, P-Y. (1979), “L’ Introduction de l’ Islam au Campa”, *Bulletin de l'Ecole Francaise d'Extreme - Orient*, No. LXVI, pp. 255-287.
14. Maspero, G. (1928), *Le Royaume de Cham*, Bruxelles, Brill, Paris.
15. Trương Văn Môn (2012), *Mối quan hệ giữa văn hóa Chăm và văn hóa Mã Lai thông qua lễ Raja Praong và Mak Yong*, Luận án Tiến sĩ Lịch sử, Trường Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn, Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh.
16. Lương Ninh (2004), *Lịch sử vương quốc Champa*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.
17. Trần Thị Kim Oanh (2013), *Hồi giáo và Hồi giáo ở Việt Nam*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
18. Thành Phần (2007), *Danh mục thư tịch Chăm ở Việt Nam*, Nxb. Trẻ, Tp. Hồ Chí Minh.
19. Bá Trung Phụ (2007), “Đạo Bani của người Chăm ở Việt Nam”, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 12, tr. 51-58.

20. Po Dharma (1999), *Quatre Lexiques malais – Cam anciens*, EFEO, Paris.
21. Bá Văn Quyển (2011), “Bí Ẩn của tháp Po Romé”, trong *Tagalau Tuyển tập sáng tác - sưu tầm - nghiên cứu văn hóa Chăm*, số 12, Nxb. Văn học, Hà Nội, tr. 171-181.
22. Ravaisse, Paul (1922), “*Deux inscriptions coufiques du Champa*”, dans *Journal asiatique*, XIème série, XX.
23. Reid, Anthony (2000), “Champa In the Southeast Asian Maritime System”, in *Charting The Shape of Early Modern Southeast Asia*, Institute of Southeast Asian Studies Singapore, Bangkok, O.S. Printing House, pp. 39-45.
24. Sakaya (2003), *Lễ hội của người Chăm*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
25. Sakaya (2013), *Tiếp cận một số vấn đề văn hóa Champa*, Nxb. Tri thức, Hà Nội.
26. Nguyễn Thị Thu, Thập Liên Trường và Phạm Văn Thành (2010), *Nghi lễ nông nghiệp truyền thống tộc người Chăm - Raglai Ninh Thuận*, Nxb. Nông nghiệp, Hà Nội.

Abstract

ESTABLISHMENT OF BANI RELIGION AND THE CHAM BANI’S RELIGIOUS CHARACTERISTICS

Nguyen Ngoc Anh

Department of Anthropology

University of Social Sciences and Humanities,

Ho Chi Minh City

There have been many studies on Bani religion. Therefore, this topic is quite familiar to researchers on religion. In this article, the author inherits the results of previous research, bases on the text and oral history documents of Cham people to generalize materials on the origins of Bani religion. This paper also indicates some common characteristics of the Cham Bani community.

Keywords: Bani; Cham Bani; characteristics.